

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/01/2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Phạm Thị Như Sứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Hồng T, sinh năm 1971; *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn Phước T, xã Quế T, huyện Quế S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn vào ngày 19/7/1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quế T, huyện Quế S, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp. Chị đã cố gắng vượt qua để níu kéo hạnh

phúc gia đình và nuôi dạy các con trưởng thành. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Cẩm P, sinh ngày 20/6/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/10/1989; đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do anh S không có công việc ổn định, rượu chè, cờ bạc, ngoại tình dẫn đến chị T ngày càng chán nản. Nay chị T xin ly hôn, anh S thống nhất.

Về con chung: Có hai con chung đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn, anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đinh Thị Hồng T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Văn S, địa chỉ: Thôn Phước T, xã Quế T, huyện Quế S, tỉnh Q. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh S, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quế T, huyện Quế S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 19 tháng 7 năm 1989. Quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hòa hợp. Anh S thừa nhận bản thân không có công việc ổn định, cờ bạc, rượu chè và có quan hệ ngoại tình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh S không có mặt để tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do còn chị T vẫn cương quyết xin ly hôn; điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Có hai con chung đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đinh Thị Hồng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Hồng T về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Đinh Thị Hồng T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006821 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng

